

HOSE

12/05/2014

 VNINDEX 517.04 **-25.42** **-4.69%**

 KLGD 99,260,848 CP
 GTGD 1,670.63 Tỷ
 GTR NDTNN 226.53 Tỷ

 CP Tăng giá 24 CP
 CP Giảm giá 239 CP
 CP Đứng giá 41 CP


HNX

12/5/2014

 HNXINDEX 70.69 **-3.50** **-4.72%**

 KLGD 56,965,424 CP
 GTGD 505.04 Tỷ
 GTR NDTNN 18.27 Tỷ

 CP Tăng giá 32 CP
 CP Giảm giá 220 CP
 CP Đứng giá 127 CP


VN30 & HNX30 INDEX

 VN30 563.30 **-24.61** **-4.19%**
 HNX30 134.73 **-9.98** **-6.90%**

Tâm điểm

- ▶ **Đà bán tháo xuất hiện trên diện rộng, 2 sàn mất gần 5% điểm số**
- ▶ **Thanh khoản thị trường sụt giảm nhưng vẫn ở mức khá**
Tổng giá trị giao dịch đạt mức khoảng 2,100 tỷ đồng.
- ▶ **Xuất khẩu giày dép nhiều khả năng đạt mục tiêu 12 tỉ USD**
Xuất khẩu giày dép trong 4 tháng đầu năm tăng gần 22% so với cùng kỳ năm ngoái
VOV
- ▶ **ILO: Năng suất lao động của Việt Nam thuộc nhóm thấp nhất ở Châu Á**
Cụ thể, năng suất lao động của Việt Nam thấp hơn Singapore gần 15 lần
Công Thương
- ▶ **Lạm phát Trung Quốc thấp nhất 18 tháng**
Theo đó, chỉ số giá tiêu dùng tăng 1.8% trong tháng 4 so với cùng kỳ năm ngoái
Reuters
- ▶ **NHS: Dự kiến quý 2/2014 lãi trước thuế tới 31 tỷ đồng**
Theo đó, lũy kế 6 tháng, lợi nhuận trước thuế khả năng đạt 47% kế hoạch năm
Công Lý
- ▶ **ACB: Lãi trước thuế quý 1/2014 giảm 19% cùng kỳ, nợ xấu 3.28%**
Lợi nhuận trước thuế hợp nhất quý 1/2014 của ACB chỉ đạt 318 tỷ đồng
Công Lý

Thị trường / Ngành

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Theo thị trường					
HOSE	957,449	13.2	3.1	23.0%	11.8%
HNX	119,792	16.3	1.6	8.7%	3.9%
Toàn bộ thị trường	1,077,241	13.8	3.0	22.2%	11.1%

Theo ngành

Nhựa, cao su & sợi	7,249	6.1	0.9	16.1%	10.9%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	19,048	7.2	1.5	21.1%	15.3%
Thép và sản phẩm thép	32,963	17.0	1.8	19.0%	8.1%
Khai khoáng	11,882	52.1	5.1	2.0%	1.4%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	18,974	17.6	1.4	16.3%	9.1%
Xây dựng	27,123	57.0	1.0	1.2%	1.6%
Máy công nghiệp	7,367	5.8	1.2	20.9%	14.4%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	8,240	10.1	1.3	16.7%	12.5%
Lốp xe	6,461	7.8	2.1	29.1%	12.8%
Nuôi trồng nông & hải sản	13,736	13.7	1.3	12.2%	5.9%
Thực phẩm	196,912	22.4	4.9	22.7%	17.4%
Dược phẩm	14,904	11.7	3.1	26.0%	17.0%
Phần mềm	16,216	10.0	2.1	22.1%	9.6%
Sản xuất & phân phối điện	21,223	9.0	1.1	13.6%	7.5%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	189,424	14.6	5.4	39.9%	25.2%
Bảo hiểm nhân thọ	23,817	20.9	2.0	9.4%	2.3%
Môi giới chứng khoán	20,874	11.7	1.2	8.1%	5.9%
Ngân hàng	235,223	10.5	1.2	11.5%	0.9%
Bất động sản	129,991	11.8	2.6	31.8%	6.8%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	34,512	9.3	1.9	21.0%	8.1%

Thống kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

VietinBankSc

 306 Ba Triệu
 Hai Ba Trưng
 Hanoi
 Vietnam
 Tel: (844) 3974 7952
 Fax: (844) 3974 1760
 www.vietinbanksc.com.vn

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

Xuất khẩu giày dép nhiều khả năng đạt mục tiêu 12 tỉ USD

ILO: Năng suất lao động của Việt Nam thuộc nhóm thấp nhất ở Châu Á

Lạm phát Trung Quốc thấp nhất 18 tháng

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

FLC: Quý 1/2014, lãi trước thuế 43.8 tỷ đồng

NHS: Dự kiến quý 2/2014 lãi trước thuế tới 31 tỷ đồng

ACB: Lãi trước thuế quý 1/2014 giảm 19% cùng kỳ, nợ xấu 3.28%

► Tin kinh tế

Tổng cục thống kê cho biết, xuất khẩu giày dép trong 4 tháng đầu năm tăng gần 22% so với cùng kỳ năm ngoái, lên 2.9 tỉ USD. Từ đầu năm đến nay, tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu trung bình mỗi tháng đạt hơn 20%, nhờ vào sự gia tăng tiêu thụ và cải thiện mức sống ở các nước trên thế giới, đáng chú ý nhất tại thị trường châu Âu. Hiện xuất khẩu giày dép của Việt Nam được hưởng lợi nhiều ưu đãi từ Hệ thống ưu đãi phổ cập (GSP) được cung cấp bởi Liên minh châu Âu, kể từ tháng 1/2014. Hiện nay, nhiều doanh nghiệp đã nhận được đơn đặt hàng trong 6 tháng tới. Mục tiêu xuất khẩu giày dép của Việt Nam năm nay đạt 12 tỉ USD có khả năng đạt được.

Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) vừa công bố một nghiên cứu của tổ chức này cho thấy năng suất lao động của Việt Nam thuộc nhóm thấp nhất ở Châu Á – Thái Bình Dương. Cụ thể, năng suất lao động của Việt Nam thấp hơn Singapore gần 15 lần, thấp hơn Nhật 11 lần và Hàn Quốc 10 lần. Đáng chú ý hơn là tốc độ tăng năng suất lao động tại Việt Nam cũng bị giảm mạnh. Trong giai đoạn 2002-2007, năng suất lao động tăng trung bình 5.2% mỗi năm – mức cao nhất trong khu vực. Tuy nhiên, kể từ cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu năm 2008, tốc độ tăng năng suất trung bình hàng năm của Việt Nam chỉ còn 3.3%

Cục Thống kê quốc gia Trung Quốc cho biết, chỉ số giá tiêu dùng tăng 1.8% trong tháng 4 so với cùng kỳ năm ngoái, đây là mức lạm phát thấp nhất trong vòng 18 tháng trở lại đây. Con số này thấp hơn so với dự báo của Bloomberg là 2.1% và lạm phát của tháng 3 là 2.4%. Lạm phát và giá sản xuất tiếp tục giảm thấp, thúc đẩy Trung Quốc thực hiện các biện pháp nới lỏng nếu kinh tế suy thoái sâu hơn.

► Tin doanh nghiệp

Theo thông tin từ CTCP Tập đoàn FLC (HOSE: FLC), quý 1/2014, FLC đạt 360 tỷ đồng doanh thu hợp nhất, lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 43.8 tỷ đồng. Với con số lợi nhuận trên, FLC đã ghi nhận mức tăng trưởng 27 lần so với cùng kỳ quý 1/2013, bằng 35% lợi nhuận cả năm 2013. Năm 2014, FLC đặt mục tiêu 350 tỷ đồng lợi nhuận trên vốn điều lệ mới hơn 1,540 tỷ đồng. Được biết, đầu tháng 5 vừa qua, FLC đã khởi công dự án sân golf FLC Samson Golf Links & resort nằm trong cụm dự án sân golf, khu vui chơi, nghỉ dưỡng có quy mô đầu tư 5,500 tỷ đồng của Tập đoàn tại Sầm Sơn, Thanh Hoá.

CTCP Đường Ninh Hòa (HOSE: NHS) vừa cho biết, dự kiến tình hình kinh doanh quý 2/2014 khá khả quan với lợi nhuận trước thuế đạt 31 tỷ đồng, đạt 90% kế hoạch quý. Cụ thể, doanh thu thuần quý 2 ước đạt mức 510 tỷ đồng, vượt 23% kế hoạch quý. Lợi nhuận trước thuế ước đạt 31 tỷ đồng, bằng 90% kế hoạch quý. Theo đó, lũy kế 6 tháng, doanh thu thuần khả năng đạt 64% kế hoạch cả năm và lợi nhuận trước thuế đạt 47% kế hoạch năm. Được biết, theo báo cáo thường niên 2013, NHS đặt kế hoạch năm 2014 với sản lượng mía ép ở mức 670,000 tấn, đường 66,992 tấn. Doanh thu thuần 1,107 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế công ty mẹ gần 79 tỷ đồng và cổ tức 10%.

Ngân hàng TMCP Á Châu (HNX: ACB) công bố lợi nhuận trước thuế hợp nhất quý 1/2014 đạt 318 tỷ đồng, giảm 19% so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ nợ xấu tăng lên 3.28%. Cụ thể, thu nhập thuần từ lãi của ngân hàng trong kỳ đạt 1,055 tỷ đồng, giảm 14% so với quý 1/2013. Tuy nhiên, lãi từ hoạt động dịch vụ của ACB tăng 17% so với cùng kỳ năm trước và đạt mức 200 tỷ đồng. Hoạt động mua bán chứng khoán kinh doanh của ACB cao gấp 3.5 lần cùng kỳ với 106 tỷ đồng. Kinh doanh ngoại hối và vàng cũng đã có lãi 51 tỷ đồng trong khi cùng kỳ năm trước lỗ 84 tỷ đồng. Về chi phí hoạt động, chi phí quản lý chung của ngân hàng tăng 13% lên mức 951 tỷ, chi phí dự phòng rủi ro 170 tỷ đồng.

HOSE 12/05/2014 VNINDEX 517.04 -25.42 -4.69% 99,260,848 CP 1,670.63 bil VND

Đà bán tháo xuất hiện trên diện rộng, 2 sàn mất gần 5% điểm số

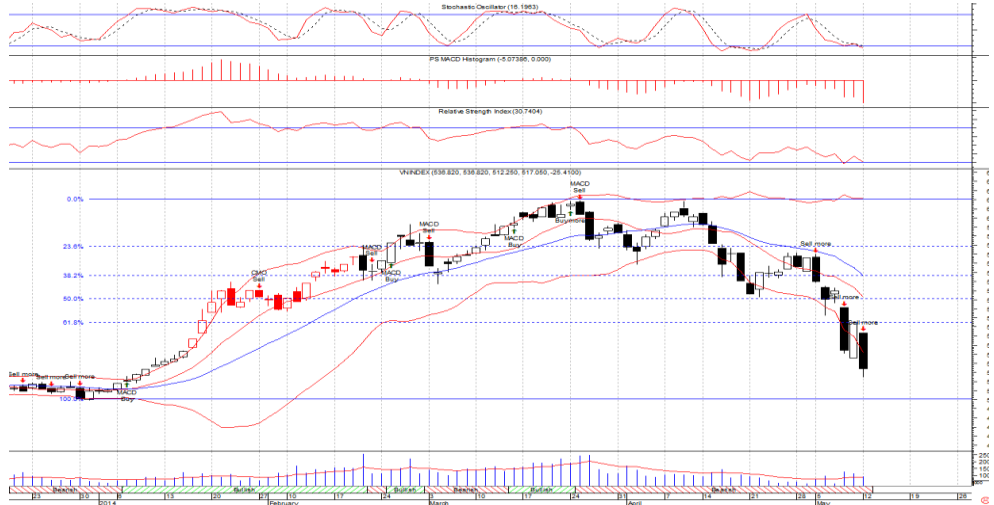
VN-Index giảm 25.41 điểm (-4.68%), đóng cửa tại mức 517.05 điểm. VN-Index hình thành cây nến đỏ, thân nến dài, đóng cửa ở mức gần thấp nhất phiên.

- MACD tiếp tục sụt giảm mạnh. Đây là tín hiệu khá xấu.

- Stochastic Oscillator tiếp tục sụt giảm trở lại.

- RSI sụt giảm mạnh. Đây là tín hiệu khá rủi ro.

- 2 đường MA10 và MA20 tiếp tục lao dốc, VN-Index xuyên thủng vùng MA200, điều này cho thấy xu hướng thị trường đang rất rủi ro.



HOSE Top 5 theo KLGD

FLC	-0.6 (-7.0%)	8,639,490
HAG	-1.5 (-6.6%)	6,845,440
ITA	-0.5 (-6.6%)	5,411,530
HQC	-0.4 (-6.9%)	4,420,690
OGC	-0.6 (-6.3%)	3,510,960

HOSE Top 5 theo % tăng

TV1	0.9 (6.6%)	10
TMS	2.2 (6.4%)	810
HDC	1.4 (6.3%)	600
VSI	0.5 (6.3%)	10
SSC	3 (6.1%)	10

HOSE Top 5 theo % giảm

VPK	-3.6 (-14.1%)	47,160
PXM	-0.1 (-10.0%)	1,229,350
PAN	-2.8 (-7.0%)	18,650
LM8	-1.3 (-7.0%)	2,170
IMP	-3.7 (-7.0%)	27,920

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

HAG	33,1 tỷ	1,560,420
PVD	26,9 tỷ	363,530
GAS	23,7 tỷ	258,440
MSN	16,9 tỷ	191,320
FCN	15,2 tỷ	720,290

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

SSI	-7,5 tỷ	355,000
STB	-5,6 tỷ	300,540
CTG	-2,4 tỷ	161,350
ITA	-2,4 tỷ	333,900
PVT	-1,7 tỷ	145,640

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	8,930,100	226.53

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ TT lại rơi vào trạng thái bán tháo trên diện rộng, đà bán khá dứt khoát và không có dấu hiệu của trụ đỡ. VN-Index xuyên thủng cả ngưỡng hỗ trợ mạnh MA200.
- ▶ KLGD sụt giảm nhẹ, đạt 94 triệu đơn vị. Dù giảm nhẹ, nhưng vẫn ở mức khá cao so với bình quân 20 phiên. Đây là một tín hiệu khá tốt cho thị trường.
- ▶ Khối ngoại mua ròng 226 tỷ trong phiên hôm nay. Nhịp mua ròng tiếp tục tạo niềm tin khá tốt giúp nâng đỡ TT trong giai đoạn này
- ▶ Vùng hỗ trợ MA200 của VN-Index đã bị xuyên thủng. Rủi ro cho TT vẫn còn rất lớn, diễn biến của VN-Index phụ thuộc nhiều vào tình hình chính trị ở Biển Đông.
- ▶ NĐT nên hạn chế GD ở vùng này, chờ TT cân bằng trở lại trước khi có những quyết định tiếp theo. NĐT có tỷ trọng CP cao cần nhắc giảm tỷ trọng cổ phiếu.

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	90.5	171,497.50	15.0	5.5	40.6%	25.7%
VNM	833.4	124.0	103,346.60	17.0	5.8	36.4%	29.1%
MSN	734.9	91.0	66,876.93	140.2	4.6	3.2%	1.1%
VIC	908.8	62.5	56,797.66	8.6	4.1	54.2%	10.3%
CTG	3,723.4	14.9	55,478.73	8.5	1.1	13.2%	1.1%
VCB	2,317.4	23.8	55,154.53	13.5	1.4	10.4%	1.0%
BID	2,811.2	14.0	39,356.84	9.6	1.3	13.8%	0.8%
BVH	680.5	32.6	22,183.37	20.9	2.0	9.4%	2.3%
HPG	481.9	44.0	21,204.06	9.4	2.2	25.0%	10.7%
STB	1,142.5	18.5	21,136.46	9.9	1.3	13.5%	1.3%

HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PVT	232.6	11.4	2,651.64	11.7	1.0	NA	TH.DOI
FPT	343.9	43.1	14,822.06	9.9	2.1	NA	TH.DOI
CII	112.9	19.7	2,223.37	16.6	1.5	NA	TH.DOI
BMP	45.5	65.0	2,956.10	8.5	2.1	NA	TH.DOI
VSC	28.6	53.0	1,518.24	6.7	1.7	NA	TH.DOI
FDC	27.6	18.6	513.55	1.9	0.8	NA	TH.DOI

HNX 12/05/2014 HNX-Index 70.69 -3.50 -4.72% 56,965,424 CP 505.04 bil. VND

Đà bán tháo xuất hiện trên diện rộng, 2 sàn mất gần 5% điểm số

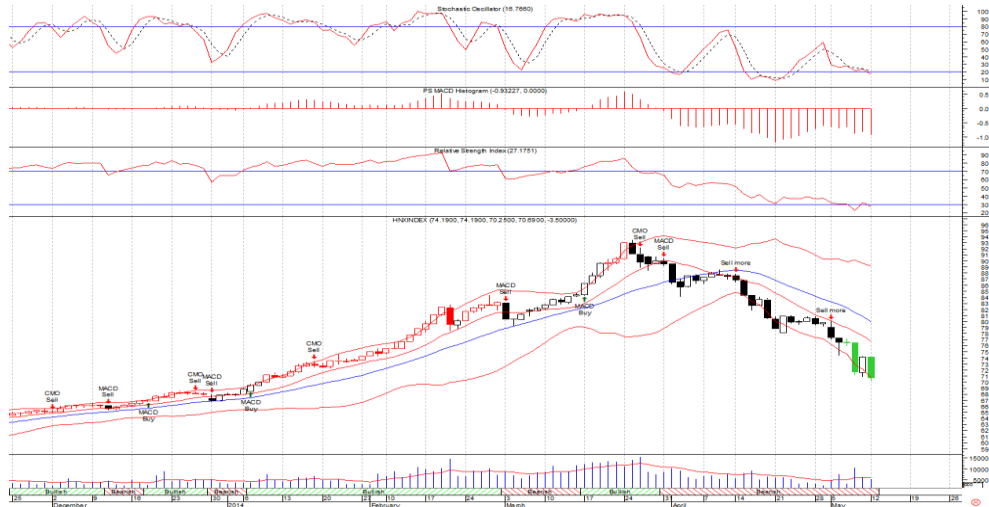
Chỉ số HNX-Index giảm 3.50 điểm (-4.72%), đóng cửa tại mốc 70.69 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến đỏ với thân nến dài, đóng cửa ở mức thấp trong phiên.

- Chỉ báo Stochastic Oscillator sụt giảm trở lại.

- MACD tiếp tục sụt giảm mạnh.

- RSI (14) sụt giảm mạnh về vùng quá bán.

- 2 đường MA10 và MA20 vẫn đang duy trì trên đường giá và có xu hướng đi xuống. MA200 đã bị HNX-Index xuyên thủng.



HNX Top 5 theo KLGD

SCR	-0.7 (-9.0%)	6,773,110
SHB	-0.6 (-7.0%)	6,578,010
KLS	-0.9 (-9.6%)	5,741,120
PVX	-0.4 (-8.3%)	5,664,680
SHS	-0.7 (-9.5%)	2,831,400

HNX Top 5 theo % tăng

SGH	48.5 (100.0%)	-
PGT	0.6 (10.0%)	98,510
CTB	2.4 (9.9%)	100
SAF	3.1 (9.7%)	100
DPC	1 (9.4%)	1,300

HNX Top 5 theo % giảm

ALT	-1.3 (-10.0%)	4,500
AMV	-0.5 (-10.0%)	27,800
DXP	-4.1 (-10.0%)	22,630
ORS	-0.3 (-10.0%)	520,300
PHC	-0.6 (-10.0%)	3,400

HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

PVS	12,1 tỷ	513,750
LAS	1,2 tỷ	34,100
PGS	0,9 tỷ	33,900
PVC	0,7 tỷ	50,000
SDH	0,7 tỷ	125,000

HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

VCG	-2,2 tỷ	211,200
SDT	-0,5 tỷ	39,000
SJE	-0,3 tỷ	19,000
HOM	-0,3 tỷ	50,000
STC	-0,2 tỷ	13,000

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	1,090,450	18.27

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ TT lại rơi vào trạng thái bán tháo trên diện rộng, đà bán khá dứt khoát và không có dấu hiệu của trụ đỡ. HNX-Index xuyên thủng cả ngưỡng hỗ trợ mạnh MA200.
- ▶ KLGD sụt giảm, đạt 55 triệu đơn vị. Dù giảm nhẹ, nhưng vẫn ở mức khá tương đương so với bình quân 20 phiên. Đây là một tín hiệu khá tốt cho thị trường.
- ▶ Khối ngoại mua ròng 18 tỷ đồng trong phiên hôm nay. Nhịp mua ròng tiếp tục tạo niềm tin khá tốt giúp nâng đỡ TT trong giai đoạn này
- ▶ Vùng hỗ trợ MA200 của HNX-Index đã bị xuyên thủng. Rủi ro cho TT vẫn còn rất lớn, diễn biến của VN-Index phụ thuộc nhiều vào tình hình chính trị ở Biển Đông.
- ▶ NĐT nên hạn chế GD ở vùng này, chờ TT cân bằng trở lại trước khi có những quyết định tiếp theo. NĐT có tỷ trọng CP cao cần nhắc giảm tỷ trọng cổ phiếu.

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
ACB	909.8	15.6	14,192.58	17.9	1.2	6.6%	0.5%
PVS	446.7	23.7	10,586.80	7.4	1.3	19.3%	6.2%
SQC	110.0	78.2	8,602.00	265.3	6.5	-2.4%	-2.0%
SHB	886.1	8.0	7,088.67	9.0	0.7	8.6%	0.7%
OCH	200.0	25.1	5,020.00	29.0	2.3	7.6%	3.4%
VCG	441.7	10.2	4,505.45	10.1	0.9	9.1%	1.9%
PVI	225.4	17.5	3,944.75	12.1	0.7	5.4%	2.9%
NTP	43.3	71.0	3,077.00	10.8	2.4	23.8%	16.0%
LAS	77.8	36.1	2,809.74	6.6	2.0	33.5%	17.5%
VNR	100.8	27.0	2,722.35	9.0	1.1	12.7%	6.9%

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	25.3	961.40	6.8	1.2	NA	TH.DOI
AAA	19.8	15.5	306.90	6.4	0.6	NA	TH.DOI
VND	96.9	12.8	1,240.79	9.7	1.1	NA	TH.DOI
NTP	43.3	71.0	3,077.00	10.8	2.4	NA	TH.DOI
PVC	50.0	14.1	705.00	9.1	0.9	NA	TH.DOI
PVS	446.7	23.7	10,586.80	7.4	1.3	NA	TH.DOI

FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	66,876.93	15.35%	91.0	140.20	4.58	166,246	178,209	377,644
VIC	HOSE	908.8	56,797.66	14.46%	62.5	8.64	4.11	690,818	734,913	514,260
HPG	HOSE	481.9	21,204.06	11.74%	44.0	9.40	2.16	747,736	717,107	817,614
PVD	HOSE	275.3	20,644.36	8.68%	75.0	10.61	2.21	440,292	423,545	498,962
DPM	HOSE	379.9	12,157.90	8.01%	32.0	6.74	1.46	1,229,339	2,122,477	1,342,450
HAG	HOSE	718.2	15,153.06	7.98%	21.1	17.56	1.26	2,830,814	3,058,044	4,688,014
VCB	HOSE	2,317.4	55,154.53	6.11%	23.8	13.51	1.39	752,776	748,916	925,245
STB	HOSE	1,142.5	21,136.46	4.13%	18.5	9.92	1.31	555,451	509,421	992,384
BVH	HOSE	680.5	22,183.37	3.08%	32.6	20.94	1.96	488,861	431,731	511,133
ITA	HOSE	718.1	5,098.33	2.71%	7.1	55.00	0.66	5,284,446	6,905,740	10,359,127
HSG	HOSE	96.3	3,765.84	2.68%	39.1	7.28	1.83	165,895	178,208	277,658
GMD	HOSE	114.4	2,871.98	2.26%	25.1	15.90	0.69	347,907	277,915	436,937
PPC	HOSE	318.2	6,108.57	2.03%	19.2	7.11	1.15	506,751	589,073	1,029,331
VSH	HOSE	206.2	2,908.00	1.74%	14.1	15.53	1.19	296,516	408,337	909,445
CSM	HOSE	67.3	2,314.84	1.64%	34.4	6.70	1.91	412,086	435,678	699,058
KBC	HOSE	289.8	2,433.99	1.48%	8.4	35.97	0.66	602,483	853,958	1,466,924
DRC	HOSE	83.1	3,364.49	1.33%	40.5	9.22	2.41	253,768	289,089	418,708
PVT	HOSE	232.6	2,651.64	1.18%	11.4	11.74	0.99	493,833	739,549	2,229,274
DIG	HOSE	143.0	1,873.24	1.01%	13.1	36.77	0.84	240,540	382,653	850,359
OGC	HOSE	300.0	2,700.00	0.91%	9.0	52.00	0.90	2,556,521	2,658,400	3,624,271
PET	HOSE	69.8	1,033.66	0.87%	14.8	7.32	0.87	424,406	525,003	932,140

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

DB Platinum Advisors
FTST Vietnam Index

Ngày lập quỹ **15/01/2008**
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**
TGTTSQL **361 mil.**

Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
PVS	HNX	446.7	10,586.80	5.37%	23.7	7.41	1.32	2,434,360	2,617,346	3,021,575
VIC	HOSE	908.8	56,797.66	8.00%	62.5	8.64	4.11	690,818	734,913	514,260
VCB	HOSE	2,317.4	55,154.53	7.00%	23.8	13.51	1.39	752,776	748,916	925,245
BVH	HOSE	680.5	22,183.37	6.50%	32.6	20.94	1.96	488,861	431,731	511,133
DPM	HOSE	379.9	12,157.90	5.79%	32.0	6.74	1.46	1,229,339	2,122,477	1,342,450
STB	HOSE	1,142.5	21,136.46	4.26%	18.5	9.92	1.31	555,451	509,421	992,384
PVD	HOSE	275.3	20,644.36	3.22%	75.0	10.61	2.21	440,292	423,545	498,962
ITA	HOSE	718.1	5,098.33	3.73%	7.1	55.00	0.66	5,284,446	6,905,740	10,359,127
SHB	HNX	886.1	7,088.67	2.86%	8.0	8.97	0.74	8,042,243	8,192,426	10,738,175
PPC	HOSE	318.2	6,108.57	1.58%	19.2	7.11	1.15	506,751	589,073	1,029,331
OGC	HOSE	300.0	2,700.00	2.33%	9.0	52.00	0.90	2,556,521	2,658,400	3,624,271
GMD	HOSE	114.4	2,871.98	1.62%	25.1	15.90	0.69	347,907	277,915	436,937
MSN	HOSE	734.9	66,876.93	8.00%	91.0	140.20	4.58	166,246	178,209	377,644
HAG	HOSE	718.2	15,153.06	2.83%	21.1	17.56	1.26	2,830,814	3,058,044	4,688,014
DRC	HOSE	83.1	3,364.49	1.28%	40.5	9.22	2.41	253,768	289,089	418,708
VCG	HNX	441.7	4,505.45	3.58%	10.2	10.06	0.88	1,449,071	1,748,084	3,853,360
PVT	HOSE	232.6	2,651.64	2.05%	11.4	11.74	0.99	493,833	739,549	2,229,274

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Van Eck Global
Market Vector Vietnam Index

Ngày lập quỹ **08/11/2009**
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**
TGTTSQL **439.5 mil.**

MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	908.8	56,797.66	0.00%	62.5	8.64	4.11	690,818	734,913	514,260
MSN	HOSE	734.9	66,876.93	0.00%	91.0	140.20	4.58	166,246	178,209	377,644
DPM	HOSE	379.9	12,157.90	0.00%	32.0	6.74	1.46	1,229,339	2,122,477	1,342,450
HAG	HOSE	718.2	15,153.06	0.00%	21.1	17.56	1.26	2,830,814	3,058,044	4,688,014
VCB	HOSE	2,317.4	55,154.53	0.00%	23.8	13.51	1.39	752,776	748,916	925,245
STB	HOSE	1,142.5	21,136.46	0.00%	18.5	9.92	1.31	555,451	509,421	992,384
BVH	HOSE	680.5	22,183.37	0.00%	32.6	20.94	1.96	488,861	431,731	511,133
CTG	HOSE	3,723.4	55,478.73	0.00%	14.9	8.53	1.07	481,380	610,407	1,135,622
GAS	HOSE	1,895.0	171,497.50	0.00%	90.5	14.96	5.51	598,220	552,345	432,835

Công ty quản lý: **Royal Bank of Scotland** Ngày lập quỹ: **19/09/2011** SLCKVN: **9/142**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier Markets Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **22.25 mil.**

iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	66,876.93	0.81%	91.0	140.20	4.58	166,246	178,209	377,644
VIC	HOSE	908.8	56,797.66	0.55%	62.5	8.64	4.11	690,818	734,913	514,260
DPM	HOSE	379.9	12,157.90	0.26%	32.0	6.74	1.46	1,229,339	2,122,477	1,342,450
VCB	HOSE	2,317.4	55,154.53	0.20%	23.8	13.51	1.39	752,776	748,916	925,245
STB	HOSE	1,142.5	21,136.46	0.14%	18.5	9.92	1.31	555,451	509,421	992,384
BVH	HOSE	680.5	22,183.37	0.10%	32.6	20.94	1.96	488,861	431,731	511,133

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **12/09/2012** SLCKVN: **6/102**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier 100 Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **519.45 mil.**

iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **01/12/2010** SLCKVN: **4,752.96 mil.**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI VN Investable Market Indx** Ngày lập chỉ số: **01/12/2010** TGTTSQL: **4,752.96 mil.**

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	7,249	6.1	0.9	16.1%	10.9%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	19,048	7.2	1.5	21.1%	15.3%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	1,487	24.7	0.6	2.3%	1.7%
Sản xuất giấy	730	7.7	0.7	11.0%	5.7%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	32,963	17.0	1.8	19.0%	8.1%
Khai khoáng					
Khai thác than	1,694	4.3	0.8	17.8%	3.7%
Khai khoáng	11,882	52.1	5.1	2.0%	1.4%
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	18,974	17.6	1.4	16.3%	9.1%
Xây dựng	27,123	- 57.0	1.0	1.2%	1.6%
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,077	7.5	1.1	16.7%	8.8%
Công nghiệp phức hợp	327	3.5	0.7	20.4%	14.5%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,539	10.0	0.9	7.8%	3.8%
Thiết bị điện	1,537	- 13.7	0.6	-0.7%	-1.4%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	42	26.3	0.6	2.2%	1.5%
Máy công nghiệp	7,367	5.8	1.2	20.9%	14.4%
Vận tải					
Vận tải thủy	6,856	- 2.2	0.8	2.7%	0.6%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	8,240	10.1	1.3	16.7%	12.5%
Dịch vụ vận tải	4,925	7.5	1.3	18.2%	11.0%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	2,906	10.5	1.3	11.9%	4.4%
Đào tạo & Việc làm	198	16.1	0.6	4.7%	1.9%
Nhà cung cấp thiết bị	172	8.0	0.8	10.5%	4.5%
Chất thải & Môi trường	179	2.7	0.8	35.4%	16.5%
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	2,031	19.9	1.7	13.5%	7.7%
Lốp xe	6,461	7.8	2.1	29.1%	12.8%
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,370	7.1	1.1	15.2%	8.8%
Vang & Rượu mạnh	246	9.8	1.7	19.9%	12.4%
Đồ uống & giải khát	257	7.4	1.4	14.3%	9.7%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	13,736	13.7	1.3	12.2%	5.9%
Thực phẩm	196,912	22.4	4.9	22.7%	17.4%
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	43	34.3	0.5	1.6%	1.2%
Thiết bị gia dụng	2,003	7.2	1.0	13.8%	6.6%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	142	3.6	1.2	30.7%	21.1%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	2,943	7.9	1.4	18.4%	7.3%
Giày dép	9	- 1.3	0.5	-33.3%	-19.0%
Hàng cá nhân	4,901	9.1	1.7	16.4%	9.0%
Thuốc lá					
Thuốc lá	687	- 4.4	1.0	-4.6%	3.3%

12 May 2014

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Y tế					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	727	16.8	0.8	5.1%	2.8%
Dụng cụ y tế	171	4.1	2.2	31.9%	13.1%
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	166	10.7	1.1	10.0%	6.6%
Dược phẩm	14,904	11.7	3.1	26.0%	17.0%
Bán lẻ					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	382	50.1	1.2	2.4%	0.7%
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	697	15.1	1.1	12.5%	8.2%
Phân phối hàng chuyên dụng	2,120	8.6	1.4	14.9%	3.2%
Truyền thông, Du lịch và Giải trí					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	1,039	8.3	0.9	11.9%	8.0%
Du lịch và giải trí					
Hàng không	153	6.7	2.9	52.7%	27.1%
Khách sạn	5,780	30.0	2.6	7.2%	3.5%
Dịch vụ giải trí	2,068	17.4	1.4	14.1%	11.4%
Vận tải hành khách & Du lịch	1,177	27.7	2.0	15.3%	13.6%
Viễn Thông & Công nghệ thông tin					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	51	11.9	0.4	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	562	18.2	0.7	3.7%	1.3%
Internet	266	56.1	0.7	1.1%	0.2%
Phần mềm	16,216	10.0	2.1	22.1%	9.6%
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	367	12.6	0.6	4.3%	1.6%
Thiết bị văn phòng	261	5.1	1.0	20.0%	14.9%
Thiết bị viễn thông	1,972	12.1	0.7	5.5%	4.0%
Điện nước, xăng dầu và khí đốt					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	21,223	9.0	1.1	13.6%	7.5%
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	189,424	14.6	5.4	39.9%	25.2%
Nước	1,165	6.3	1.0	16.7%	11.1%
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,178	9.8	0.8	8.1%	3.1%
Bảo hiểm phi nhân thọ	6,070	10.6	0.7	6.3%	3.2%
Tái bảo hiểm	2,712	9.0	1.1	12.7%	6.9%
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	23,817	20.9	2.0	9.4%	2.3%
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	2,880	52.0	0.9	1.7%	0.5%
Môi giới chứng khoán	20,874	11.7	1.2	8.1%	5.9%
Ngân hàng					
Ngân hàng	235,223	10.5	1.2	11.5%	0.9%
Bất động sản					
Bất động sản	129,991	11.8	2.6	31.8%	6.8%
Tur Vốn, Định giá, Môi giới Bất động sản	5	203.1	0.5	0.2%	0.1%
Dầu khí					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	34,512	9.3	1.9	21.0%	8.1%

- | | | | |
|---------------------------|--|--------------------------|--|
| ▶ Nguyễn Hữu Quang | Giám đốc Tư vấn Đầu tư
quangnh@vietinbanksc.com.vn | | |
| ▶ Nguyễn Quang Sắc | sacnq@vietinbanksc.com.vn
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- Phân tích kỹ thuật
- Nhận định, bình luận thị trường | ▶ Nguyễn Thu Hằng | hangntt@vietinbanksc.com.vn
- Ngân hàng
- Thép và sản phẩm thép
- Dược phẩm |
| ▶ Nguyễn Hoài Nam | namnh@vietinbanksc.com.vn
- Sản phẩm hóa dầu
- Phân phối xăng dầu, khí đốt
- Thiết bị và dịch vụ dầu khí | ▶ Vũ Ánh Nguyệt | nguyetva@vietinbanksc.com.vn
- Nhựa, cao su, sợi
- Thực phẩm
- Nuôi trồng nông và hải sản |

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.